

Bản án số: 39/2021/HNGĐ - ST

Ngày 26/8/2021

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn và bà Triệu Thị Yên

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn LN, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hà Hữu T, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn LN, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2021 nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hà Hữu T qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã VX, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2002. Chị A và anh T được cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại quê chị A ở tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó đến năm 2004 thì chuyển về chung sống tại thôn LN, xã XQ cho đến nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, xảy ra nhiều cãi vã, anh T có hành vi đánh đập chị A nhiều lần, anh T không tu chí làm ăn và chị A có nghi ngờ anh T quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng không thể tự khắc phục được mâu thuẫn, hiện anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng về mặt tình cảm thì đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Hữu T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Hà Hữu XQ, sinh ngày 01/11/2002, hiện nay con đã trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động bình thường nên chị A không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Hữu T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị A có mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Ma Thị T (là trưởng thôn LN) và Công an xã XQ, xác định anh Hà Hữu T có hộ khẩu thường trú tại thôn LN, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế anh T thường xuyên vắng nhà, thường trở về nhà vào buổi tối, nghề nghiệp của anh T là khoan giếng nên không có mặt tại gia đình. Bà T (chị dâu của anh T) có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho anh Hà Hữu T biết về việc chị Phan Thị A có đơn khởi kiện xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị A, cho chị Phan Thị A được ly hôn anh Hà Hữu T; Về con chung: Có 01 con chung là Hà Hữu XQ, sinh ngày 01/11/2002, hiện nay con đã trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh T không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn đối với anh Hà Hữu T; anh Hà Hữu T có hộ khẩu thường trú tại thôn LN, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp

Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Hà Hữu T có hộ khẩu thường trú tại thôn LN, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, anh T là lao động tự do thường xuyên vắng mặt tại nhà và địa phương nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vắng mặt không có lý do, anh T đã được thông báo nhưng vẫn không chấp hành theo văn bản tố tụng của Tòa án, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị A có mặt, bị đơn anh Hà Hữu T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần 2) cho anh T, tuy nhiên anh T vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị A và anh Hà Hữu T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VX, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2002. Sau khi kết hôn chị A và anh T chung sống tại tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó đến năm 2004 thì chuyển về chung sống tại thôn LN, xã XQ cho đến nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, xảy ra nhiều cãi vã, anh T có hành vi đả đập chị A nhiều lần, anh T không tu chí làm ăn và chị A có nghi ngờ anh T quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng không thể tự khắc phục được mâu thuẫn, hiện anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng về mặt tình cảm thì đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, chị A xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hà Hữu T.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 16/7/2021 (BL 41, 42) thấy rằng chị A và anh T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị A, cho chị A được ly hôn anh Hà Hữu T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Hà Hữu XQ, sinh ngày 01/11/2002, hiện nay con đã trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động bình thường, chị A không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phan Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Hà Hữu T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị A, cho chị Phan Thị A được ly hôn anh Hà Hữu T.

2. Về án phí: Chị Phan Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*). Chị A đã nộp 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0003435 ngày 26/4/2021 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã VX, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nơi ĐKKH);
- UBND xã XQ (để biết);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Hạnh Quỳnh